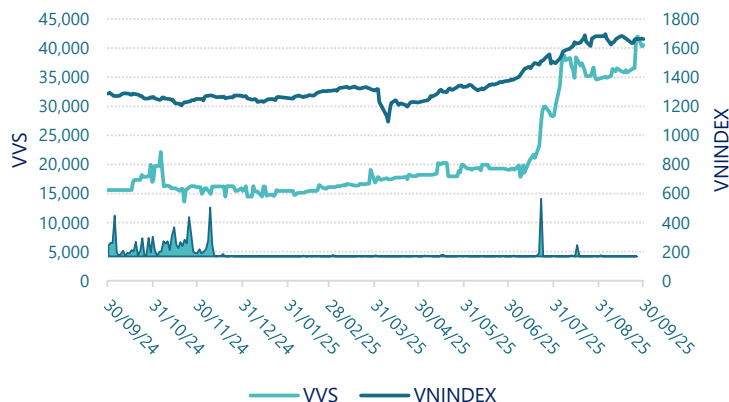


CTCP Đầu tư phát triển máy Việt Nam (UPCOM: VVS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	40,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,591
SL cổ phiếu LH	21,525,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	71,250
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	872
P/E	4.9
EPS	8,219

DT thuần

Q3/25

2,230

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 152 | 7.3%

YoY: ▲ 1,399 | 168%

LN sau thuế

Q3/25

88.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.6 | 60.8%

YoY: ▲ 46.7 | 111%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.5%

+/- YoY: ▼ 2.4%

DT thuần

9T 2025

5,444

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,763 | 103%

LN sau thuế

9T 2025

170

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 108 | 174%

ROE

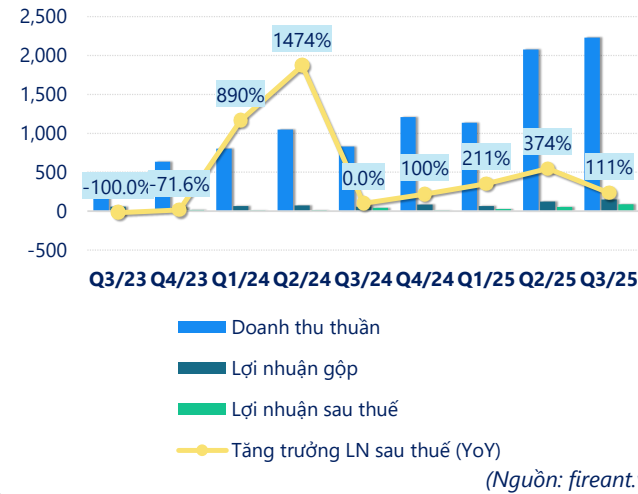
Q3/25

41.7%

+/- YoY: ▲ 16.4%

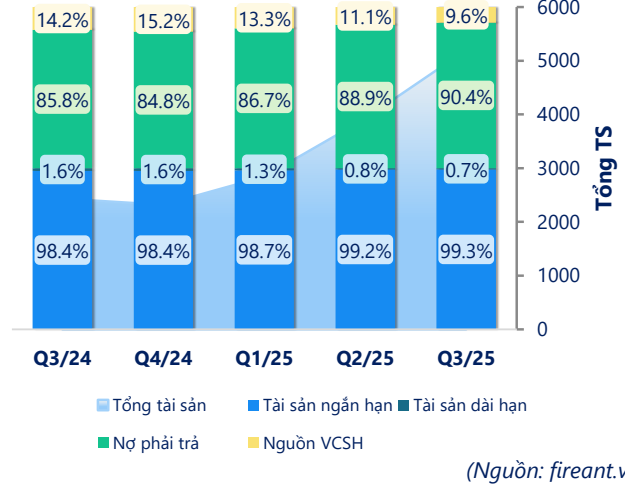
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

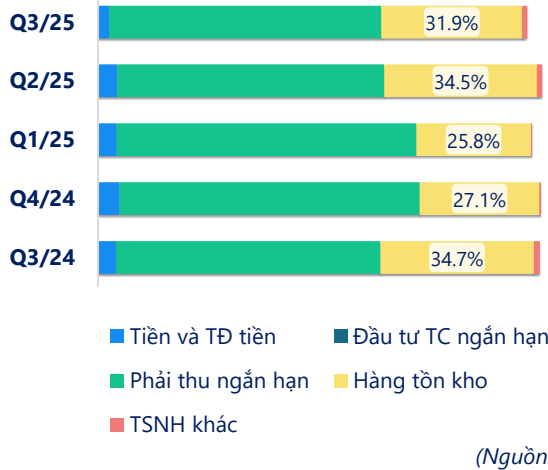


Cơ cấu Tổng tài sản

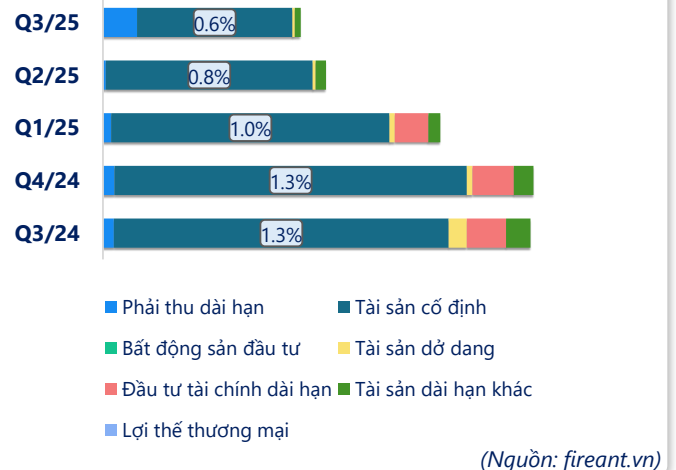
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

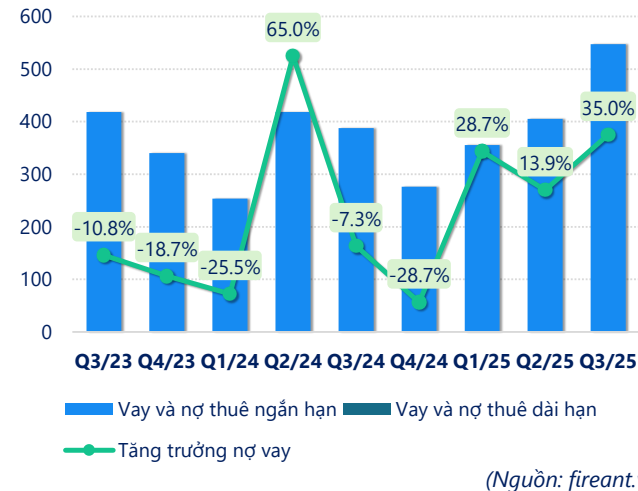


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



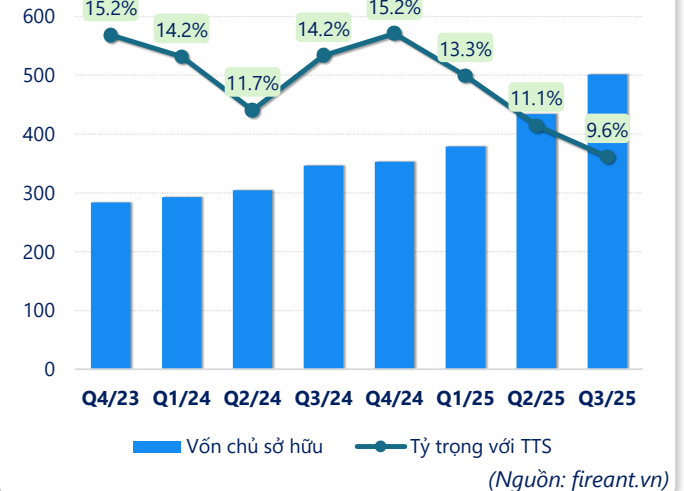
tỷ VNĐ

Nợ vay

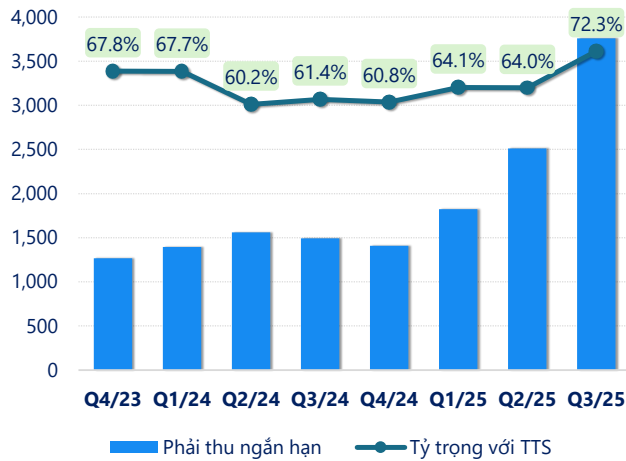


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

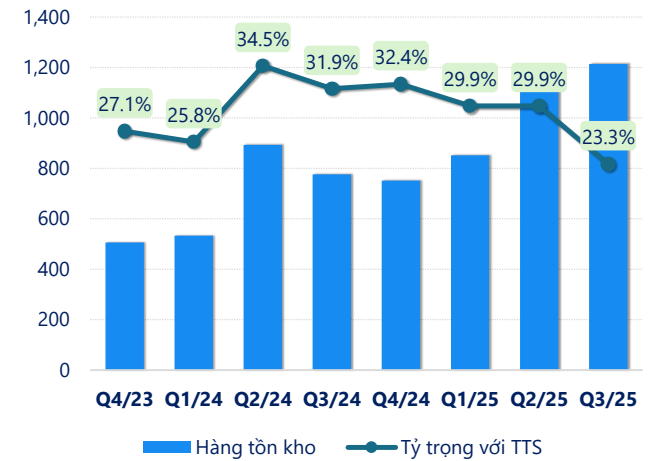


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


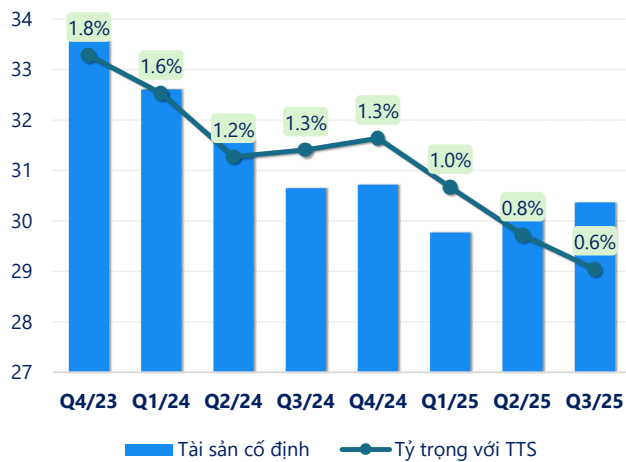
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


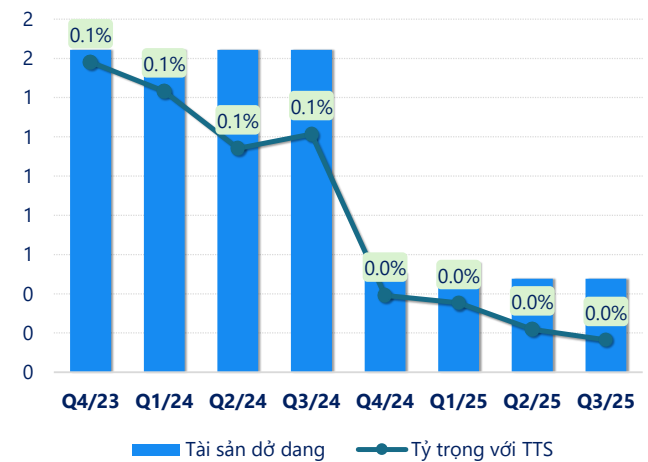
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

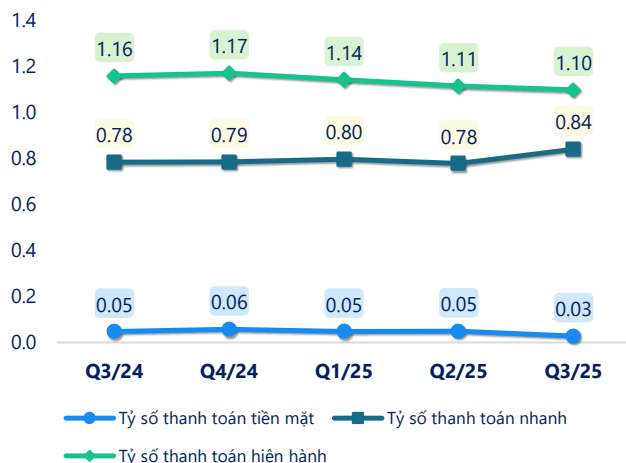
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

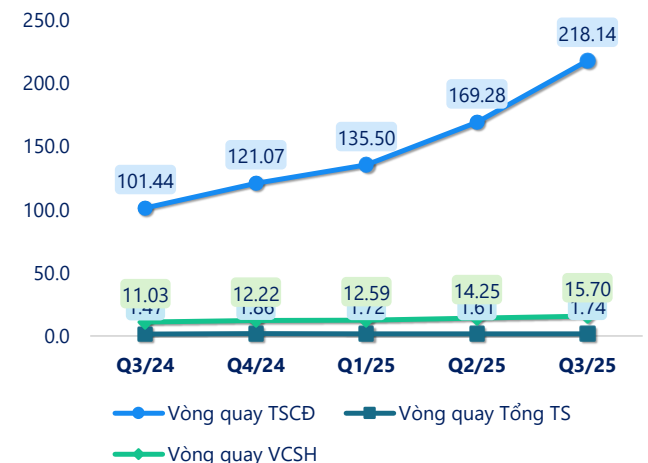
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,435	2,318	2,845	3,923	5,201
Tài sản ngắn hạn	2,395	2,281	2,809	3,890	5,162
Tiền và tương đương tiền	98.5	112	119	171	132
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,494	1,409	1,823	2,510	3,760
Hàng tồn kho	776	751	851	1,175	1,214
Tài sản ngắn hạn khác	26.6	8.83	16.1	34.1	56.6
Tài sản dài hạn	39.1	37.6	36.1	32.9	38.7
Phải thu dài hạn	1.01	1.01	0.89	0.44	6.68
Tài sản cố định	30.6	30.7	29.8	30.5	30.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.64	0.50	0.56	0.48	0.48
Đầu tư tài chính dài hạn	3.60	3.60	3.60	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.25	1.72	1.27	1.53	1.18
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,088	1,966	2,466	3,489	4,700
Nợ ngắn hạn	2,066	1,948	2,458	3,489	4,700
Vay và nợ thuê ngắn hạn	388	276	356	405	547
Phải trả người bán ngắn hạn	1,351	1,354	1,788	2,703	3,684
Nợ dài hạn	22.2	17.3	8.31	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	346	353	379	434	501
Vốn chủ sở hữu	346	353	379	434	501
Vốn điều lệ	215	215	215	215	215
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)